

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày 05 - 7- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Siu Tơ Lul và ông Nguyễn Đức Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Thị Mỹ Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST – HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Công Q, sinh năm 1998, tại: huyện Đ, Gia Lai.

Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Sửa xe máy; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị Trung H; bị cáo chưa có vợ. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 09/3/2022. Được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh ngày 10/3/2022. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Đức Hoàng D, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ X, phường K, thị xã P, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện P, tỉnh Gia Lai.

3. Anh Nguyễn Tô Minh H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện P, tỉnh Gia Lai.

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện P, tỉnh Gia Lai.

5. Chị Đặng Thị Mỹ D, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Nơi cư trú: xã T, huyện H, tỉnh Kon Tum

6. Ông Lê Công N, sinh năm 1975. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
7. Bà Nguyễn Thị P. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai.
8. Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1987. Có mặt.
Nơi cư trú: T, Phưong L, TP. K, Gia Lai.
9. Anh Vũ Nguyên C, sinh năm 1987. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Làng N, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lê Công Q, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ khoảng 09/2021 đến tháng 11/2021, Q nhiều lần mượn tiền của anh Nguyễn Văn L với số tiền 25.300.000đ nhưng không có tiền trả. Ngày 29/11/2021, Q phải để xe mô tô Honda Air blade, biển số: 81B2 – 954.54 cho anh L giữ để làm tin. Vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên Q nảy sinh ý thức lừa đảo, Q có hành vi gian dối lừa đăng bán xe mô tô 81B2 – 954.54 qua Messenger cho anh Nguyễn Đức Hoàng D để chiếm đoạt tiền của anh D. Vào lúc 17 giờ 54 phút ngày 30/11/2021, anh D chuyển cho Q số tiền 31.500.000đ (vào tài khoản 62610000459205, Ngân hàng BIDV của Lê Văn T, Q mượn thẻ của Tuấn để sử dụng) để mua xe mô tô của Q. Khi nhận được tiền, vào lúc 18 giờ 05 phút, Q điện thoại cho T, nhờ T chuyển khoản trả nợ cho anh L số tiền 25.300.000đ và Q lấy lại xe mô tô 81B2 – 954.54 từ anh L. Đến 20 giờ 03 phút cùng ngày, Q ra cây ATM rút số tiền 3.000.000đ để đi nhậu, hát Karaoke. Đến 01 giờ 11 phút ngày 01/12/2021, lúc này Q nhậu, hát Karaoke ở quán S (Thôn M, xã C, huyện P), thanh toán thì thiếu tiền, Q điện thoại cho anh T nói chuyển giúp vào tài khoản của bà Nguyễn Thị P (chủ quán Karaoke S) số tiền 3.00.000đ để trả tiền nhậu, hát. Như vậy, Q đã sử dụng, tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt của anh D và Q cố tình không chuyển giao xe mô tô cho anh D như đã thỏa thuận. Do hết tiền tiêu xài cá nhân, Q tiếp tục mượn tiền của anh Nguyễn Tô Minh H. Ngày 04/01/2022, Q phải để lại xe mô tô Honda Air blade, biển số: 81B2 – 954.54 cho anh H giữ để làm tin. Lúc này D nhắn tin yêu cầu Q chuyển xe mô tô, nhưng xe mô tô lúc này Q đã cầm cố cho anh H.

Khoảng 09 giờ ngày 06/12/2021, Quý đi nhậu cùng Đặng Thị Mỹ D và Nguyễn Văn M tại thị xã P. Do thiếu tiền tiêu xài, đến 13 giờ 35 phút cùng ngày, Q tiếp tục nảy sinh hành vi lừa đăng bán xe qua Messenger “Vô Vị” cho anh Vũ Nguyên C để chiếm đoạt tiền. Anh C không biết hành vi lừa đảo của Q nên giới thiệu xe mô tô cho anh Nguyễn Văn T, Anh T đồng ý mua xe mô tô 81B2 – 954.54 của Q với giá 31.500.000đ. Vào lúc 14 giờ 06 phút cùng ngày, anh T chuyển số tiền 31.500.000đ để mua xe mô tô vào tài khoản của anh Lê Văn T cho Q.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi trong tài khoản có tiền, Q tiếp tục đi TP. P để chơi. Đến 15 giờ 11 phút, Q điện thoại cho anh T nói chuyển giúp 10.000.000đ vào tài khoản 102061422, Ngân hàng Vietcombank của Đặng Thị Mỹ D, do D không có thẻ nên Q nói D chuyển giúp vào tài khoản của anh Nguyễn

Quốc Đ là bạn của M, nhờ anh Đ ra cây ATM rút tiền mặt đưa cho Q để chi trả tiền ăn nhậu. Đến 20 giờ 13 phút cùng ngày, tiêu xài hết 10.000.000đ, Q lại điện thoại cho T, nhờ T chuyển thêm 6.000.000đ vào tài khoản của D, rồi D đưa tiền mặt 6.000.000đ cho Q để Q tiếp tục tiêu xài. Đến 20 giờ 56 phút, Q lại điện thoại cho T, nhờ T chuyển khoản tiếp 2.000.000đ vào tài khoản của D, số tiền này Q cho D. Đến ngày 08 và ngày 09/12/2021, Q ra cây ATM rút tiền, tổng là 11.400.000đ để tiếp tục sử dụng ăn nhậu, còn 2.000.000đ thì Lê Văn T hỏi mượn Q để có việc. Ngày 04/01/2022, T trả 2.000.000đ cho Q và lấy lại thẻ ATM 62610000459205. Số tiền T trả, Q sử dụng tiêu xài còn lại 800.000đ giao nộp cho Cơ quan Công an vào ngày 05/01/2022. Sau khi chuyển tiền mua xe cho Q thì cả anh D và anh T đều không nhận được xe mô tô mà Q đã đăng bán và cũng không trả lại tiền. Do vậy, anh D và anh T đã đến Công an huyện Chư Sê để trình báo.

Ngày 05/01/2022, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Chư Sê làm việc với Q, lúc này xe mô tô 81B2 – 954.54 anh H vẫn đang giữ. Ngày 07/01/2022, Q bán chiếc xe trên cho anh C với giá 30.000.000đ, trả nợ 23.700.000đ cho anh H, Q còn nhận số tiền: 6.300.000đ, số tiền này Q cũng tiêu xài hết.

Như vậy tổng tài sản mà Q đã lừa đảo, chiếm đoạt của anh D và anh T vào ngày 30/11/2021 và ngày 06/12/2021 là: 63.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT – VKS ngày 23 tháng 5 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Công Q về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Công Q từ 03 đến 04 năm tù. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Sê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vì muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên vào ngày 30/11/2021, Lê Công Q nảy sinh ý thức lừa đảo, có hành vi gian dối lừa bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển số: 81B2 – 954.54 cho anh Nguyễn Đức Hoàng D để chiếm đoạt số tiền 31.500.000đ. Sau khi tiêu

xài hết số tiền chiếm đoạt của anh D, ngày 06/12/2021, Lê Công Q tiếp tục có hành vi gian dối lừa bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển số: 81B2 – 954.54 cho anh Nguyễn Văn T để chiếm đoạt số tiền 31.500.000đ. Tổng số tiền Q chiếm đoạt vào các ngày 30/11/2021 và ngày 06/12/2021 của anh D và anh T là: 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) số tiền này Q trả nợ và tiêu xài cá nhân, còn xe mô tô biển số: 81B2- 954.54 Quý cầm cố cho anh Nguyễn Tô Minh H, đến ngày 07/01/2022, Q bán chiếc xe trên cho anh Vũ Nguyên C với giá 30.000.000đ, trả nợ 23.700.000đ cho anh H, còn 6.300.000đ Q cũng tiêu xài hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê truy tố là đúng người, đúng tội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã 2 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã cố tình thực hiện tội phạm, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6]. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T là người cho Q mượn tài khoản ngân hàng và thẻ ngân hàng để nhận số tiền 63.000.000 đồng chiếm đoạt từ anh D và Anh T nhưng anh T không biết việc Q sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội. Chị Đặng Thị Mỹ D, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Đ, anh Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P khi nhận tiền từ Lê Công Q cũng không biết số tiền đó do Q phạm tội mà có. Vì vậy không đề cập xử lý đối với những người trên là đúng quy định.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã giao nộp số tiền 800.000 đồng và đã tác động gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Đức Hoàng D và anh Nguyễn Văn T mỗi người 31.500.000 đồng. Bị hại đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường

gì thêm. Ông Lê Công N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà ông đã bồi thường thay cho bị cáo nên miễn xét.

[8]. Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5, IMEI 1: 865545054854458 (đã qua sử dụng) là tài sản của Lê Công Q sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 thẻ ATM, số tài khoản: 62610000459205, Ngân hàng BIDV là tài sản của anh Lê Văn T, anh T không biết bị cáo sử dụng thẻ của mình vào việc phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chư Sê trao trả lại cho anh T là đúng quy định.

Đối với số tiền 63.000.000 (ông Lê Công N giao nộp 62.200.000 đồng + 800.000 đồng do Q giao nộp) đã trao trả lại cho anh Nguyễn Đức Hoàng D và anh Nguyễn Văn T là đúng quy định.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 81B2 – 954.54 Quý nhờ ông Lê Công N (bố đẻ của Q) đứng tên trên Giấy đăng ký xe. Ngày 07/01/2022, Q đã bán xe này cho anh Vũ Nguyên C. Xét thấy không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra không tạm giữ và không đề cập xử lý đối với xe mô tô trên là đúng quy định.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Công Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Công Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến ngày 10/3/2022. Thời hạn tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Công Q 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5, IMEI 1: 865545054854458. Đặc điểm nhận dạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Sê và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai ngày 24/5/2022.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến có quyền

kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai ;
- VKSND huyện Chư Sê;
- CA huyện Chư Sê;
- Bị cáo, BH, NLQ;
- THAHS;
- CC.THADS huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dậu